TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Số: 53. /QĐ-VTSPK-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28. tháng 10. năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế quản lý xung đột lợi ích của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (Gas Shipping);

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Gas Shipping ban hành kèm theo Quyết định số 48/QĐ-VTSPK-HĐQT ngày 19/8/2026;

Căn cứ Phiếu ý kiến số 25/PYK-KTNB ngày 27/10/2026 của Kiểm toán nội bộ;

Căn cứ Biên bản họp số 44./BB-VTSPK-HĐQT ngày 27./10./2026 của Hội đồng Quản trị (HĐQT) Gas Shipping.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành "Quy chế quản lý xung đột lợi ích của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Thành viên HĐQT, Giám đốc, các Phó Giám đốc, các Phòng chức năng và toàn thể CBNV Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- BKS (để biết);
- Lưu: VT, TK. HĐQT (01).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Vũ Thị Phương Nga

QUY CHẾ QUẢN LÝ XUNG ĐỘT LỢI ÍCH
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số .53../QĐ-VTSPK-HĐQT ngày 28/10/2026)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

Quy chế quản lý xung đột lợi ích (sau đây gọi là "Quy chế") của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế được ban hành nhằm thiết lập nguyên tắc và cơ chế quản lý xung đột lợi ích trong hợp đồng, giao dịch với người có liên quan của Công ty, đảm bảo tính tuân thủ, minh bạch, bảo vệ lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này điều chỉnh các hoạt động có khả năng phát sinh xung đột lợi ích trong quá trình quản lý, điều hành, sản xuất kinh doanh, ra quyết định ký kết và thực hiện các giao dịch của Công ty với người có liên quan có thể ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty, cổ đông hoặc các bên liên quan khác.

Việc quản lý các xung đột lợi ích trong các trường hợp khác được quy định tại Bộ quy tắc ứng xử văn hoá doanh nghiệp và các quy định nội bộ khác của Công ty.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, ngoại trừ các thuật ngữ thông dụng đã được định nghĩa theo luật, các thuật ngữ và từ viết tắt được hiểu như sau:

1. "Công ty" hay "Gas Shipping" là Công ty cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.

2. "Đại hội đồng cổ đông" hoặc "ĐHĐCĐ" là Đại hội đồng cổ đông Công ty.

3. "Hội đồng quản trị" hoặc "HĐQT" là Hội đồng quản trị Công ty.

4. "Ban Kiểm soát" hoặc "BKS" là Ban Kiểm soát Công ty.

5. "Ban Giám đốc" hoặc "BGĐ" là Ban Giám đốc Công ty.

6. "Người có liên quan của Công ty" là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty, bao gồm: công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó; công ty con; người quản lý, thành viên BKS, người nội bộ của Công ty và người có liên quan của họ; tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ

phiếu có quyền biểu quyết của Công ty và các trường hợp khác theo khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

7. "Người quản lý Công ty" bao gồm Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

8. "Người điều hành Công ty" bao gồm Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

9. "Xung đột lợi ích" là tình huống mà lợi ích cá nhân của người quản lý, người điều hành, thành viên BKS hoặc người có liên quan ảnh hưởng hoặc có thể ảnh hưởng đến tính khách quan khi thực hiện nhiệm vụ, gây tổn hại thực tế hoặc tiềm tàng đến lợi ích của Công ty.

CHƯƠNG II
QUẢN LÝ XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 4. Nguyên tắc chung

1. Mọi quyết định và hành động của tập thể, cá nhân liên quan đến hoạt động của Công ty phải phục vụ lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông, không vì lợi ích riêng của tập thể, cá nhân đó hoặc bên thứ ba.

2. Cá nhân có nghĩa vụ trung thực, công khai, kê khai đầy đủ và kịp thời các lợi ích có thể gây ảnh hưởng đến tính khách quan khi thực hiện nhiệm vụ.

3. Người có xung đột lợi ích không được tham gia biểu quyết hoặc quyết định về vấn đề có liên quan, phù hợp với quy định của pháp luật và của Công ty.

4. Tất cả các giao dịch, hợp đồng với người có liên quan phải được phê duyệt đúng quy định, thẩm quyền, tuân thủ nguyên tắc cạnh tranh, công bằng và minh bạch.

5. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty.

Điều 5. Nhận diện xung đột lợi ích

Các tình huống có khả năng phát sinh xung đột lợi ích bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp sau đây:

- Người có liên quan có quan hệ tài chính, thân nhân hoặc quyền lợi cá nhân với khách hàng, đối tác, nhà cung cấp của Công ty;

- Người có liên quan tham gia vào quá trình ra quyết định trong khi bản thân có lợi ích trực tiếp hoặc gián tiếp;

- Người có liên quan sử dụng thông tin nội bộ để mua bán chứng khoán hoặc mưu lợi riêng;

- Người có liên quan thực hiện giao dịch với bên liên quan không theo nguyên tắc thị trường hoặc không công khai.

Điều 6. Quản lý xung đột lợi ích

Công ty thiết lập và vận hành cơ chế quản lý xung đột lợi ích nhằm đảm bảo việc ra quyết định và thực thi nhiệm vụ được thực hiện một cách độc lập, khách quan và minh bạch, bao gồm:

1. Công khai lợi ích liên quan của Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý, người điều hành khác của Công ty theo Điều 7 Quy chế này;

2. Thực hiện trách nhiệm một cách trung thực và tránh xung đột lợi ích của các cá nhân trên và những người có liên quan theo Điều 8 Quy chế này;

3. Hợp đồng, giao dịch với người có liên quan cần được chấp thuận/phê duyệt phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và Điều 9 Quy chế này.

Điều 7. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện như sau:

1. Người phụ trách quản trị Công ty chủ trì phối hợp các phòng chức năng liên quan chịu trách nhiệm tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo khoản 6 Điều 3 Quy chế này và hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công ty;

2. Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Giám đốc, những người quản lý và người điều hành khác của Công ty có trách nhiệm chủ động kê khai với Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;

3. Việc kê khai tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan và sửa đổi, bổ sung (nếu có) phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung;

4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai theo khoản 1 và khoản 2 Điều này thực hiện như sau:

a) Công ty thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên gần nhất;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại bộ phận văn thư HĐQT Công ty;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Giám đốc có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai, song phải bảo đảm tuân thủ bảo mật thông tin;

d) Công ty tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c Điều này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn khi họ thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo Điều lệ Công ty;

5. Ngoại trừ thẩm quyền được xác định tại các quy định nội bộ của Công ty, Thành viên HĐQT, Giám đốc, các cán bộ quản lý khi nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT, BKS và chỉ thực hiện khi được HĐQT chấp thuận. Nếu cá nhân thực hiện mà không kê khai hoặc không được sự chấp thuận nêu trên thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty, đồng thời chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật, trước Công ty về hành vi của mình và các thiệt hại phát sinh (nếu có).

Điều 8. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Giám đốc, những người quản lý và người điều hành khác của Công ty chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ vị trí, chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

2. Các cá nhân nêu tại khoản 1 Điều này có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho HĐQT, BKS về các giao dịch giữa Công ty với chính cá nhân đó hoặc với những người có liên quan của cá nhân đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch do ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận, Công ty phải thực hiện thủ tục công bố thông tin theo quy định.

3. Thành viên HĐQT có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết đối với hợp đồng, giao dịch theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Giám đốc, những người quản lý, người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan của các cá nhân này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho tổ chức, cá nhân khác các thông tin nội bộ để thực hiện hợp đồng, giao dịch có liên quan.

Điều 9. Hợp đồng, giao dịch với người có liên quan

1. Cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh:

a) Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân, người có liên quan là cá nhân của các cổ đông này, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

b) Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp sau đây:

- Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua theo quy định tại Điều lệ Công ty;

- Trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan:

a) Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận theo thẩm quyền phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định khác của Công ty. Trong đó, ĐHĐCĐ chấp thuận hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất trở lên bao gồm giao dịch dẫn đến tổng giá trị phát sinh trong 12 tháng đạt mức này; hợp đồng vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản giữa Công ty với cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó. HĐQT chấp thuận các trường hợp còn lại.

b) Khi phát sinh hợp đồng, giao dịch tại điểm a khoản này, Giám đốc hoặc người được uỷ quyền ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho HĐQT và BKS về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch theo quy định tại Điều 10 Quy chế này. HĐQT xem xét chấp thuận hoặc trình ĐHĐCĐ theo thẩm quyền. Cổ đông, thành viên HĐQT có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

Trường hợp ĐHĐCĐ hoặc HĐQT giao/ủy quyền cho Giám đốc quyết định và thực hiện giao dịch với người có liên quan, việc giao/ủy quyền phải xác định về đối tượng, phạm vi, giá trị/hạn mức, thời hạn, điều kiện thực hiện và trách nhiệm báo cáo. Giám đốc chỉ được thực hiện trong phạm vi được giao/ủy quyền, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ, quy chế và quy định của Công ty.

c) Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định. Người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, Thành viên HĐQT hoặc Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

d) Công ty có trách nhiệm công khai hợp đồng, giao dịch theo quy định của Công ty và pháp luật có liên quan.

Điều 10. Quy trình quản lý hợp đồng, giao dịch với người có liên quan

Stt	Sơ đồ quy trình thực hiện	Mô tả
Bước 1	Xác định hợp đồng, giao dịch	Giám đốc có trách nhiệm rà soát thông tin về đối tác, đối chiếu với danh sách người có liên quan của Công ty để xác định: (i) Hợp đồng, giao dịch có thuộc giao dịch với người có liên quan hay không; (ii) Hợp đồng, giao dịch có thuộc nhóm hợp đồng, giao dịch đã được ĐHĐCĐ/HĐQT chấp thuận, giao/uỷ quyền cho Giám đốc Công ty quyết định, tổ chức thực hiện trong năm hay không; - Trường hợp hợp đồng, giao dịch với người có liên quan được xác định không thuộc hoặc vượt phạm vi đã được ĐHĐCĐ/HĐQT chấp thuận, giao/ủy quyền cho Giám đốc quyết định thực hiện trong năm: Giám đốc thực hiện tiếp Bước 2 của Quy trình này. - Trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc phạm vi đã được ĐHĐCĐ/HĐQT chấp thuận, giao/ủy quyền cho Giám đốc: Việc triển khai ký kết, thực hiện hợp đồng, giao dịch do Giám đốc xem xét quyết định trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ, quy chế và quy định của Công ty.
Bước 2	Thông báo và gửi tài liệu	- Giám đốc thông báo về hợp đồng, giao dịch cho HĐQT và BKS, gửi kèm dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. - Nếu hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT xem xét trình dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
Bước 3	Rà soát và đánh giá	Phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, Thành viên độc lập HĐQT, BKS, phòng Kiểm toán nội bộ rà soát tính hợp lý, công bằng, minh bạch và lợi ích tối ưu của hợp đồng, giao dịch.
Bước 4	Quyết định	HĐQT xem xét, chấp thuận hoặc trình ĐHĐCĐ xem xét chấp thuận theo thẩm quyền tại Điều lệ và các quy chế liên quan, ban hành Nghị quyết/Quyết định

Stt	Sơ đồ quy trình thực hiện	Mô tả
		nếu chấp thuận. Thành viên có lợi ích liên quan không được tham gia biểu quyết.
Bước 5	Công bố thông tin	Thực hiện công bố thông tin về hợp đồng, giao dịch với người có liên quan theo quy định của pháp luật và Công ty.
Bước 6	Lưu trữ	Bộ phận văn thư HĐQT lưu trữ hồ sơ đầy đủ theo quy định của pháp luật và Công ty.

CHƯƠNG III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Quyền và trách nhiệm trong quản lý xung đột lợi ích

1. Hội đồng quản trị

a) Ban hành, sửa đổi/bổ sung Quy chế quản lý xung đột lợi ích, giám sát việc thực hiện Quy chế và các chính sách khác của Công ty về quản lý xung đột lợi ích.

b) Đảm bảo việc công bố, báo cáo về các lợi ích và hợp đồng, giao dịch với người có liên quan được thực hiện theo quy định của pháp luật và Công ty.

c) Các quyền và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Công ty.

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

a) Hỗ trợ giám sát việc thực hiện Quy chế này và các chính sách khác của Công ty về quản lý xung đột lợi ích.

b) Tham gia quá trình rà soát, phê duyệt/chấp thuận các hợp đồng, giao dịch với người có liên quan.

c) Các quyền và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Công ty.

3. Giám đốc Công ty

a) Chịu trách nhiệm nhận diện, báo cáo và đề xuất HĐQT xem xét, chấp thuận hoặc trình ĐHĐCĐ chấp thuận các hợp đồng, giao dịch với người có liên quan phù hợp với quy định của pháp luật và Công ty.

b) Không phê duyệt, ký kết, ủy quyền ký kết hoặc thực hiện hợp đồng, giao dịch với người có liên quan khi chưa hoàn thành thủ tục phê duyệt/chấp thuận; chịu trách nhiệm đối với các thiệt hại phát sinh khi không tuân thủ quy định này.

c) Bảo đảm các giao dịch được thực hiện trên cơ sở giá thị trường, công bằng, minh bạch, không gây thiệt hại cho Công ty hoặc cổ đông.

d) Tổ chức thực hiện công bố thông tin, lưu trữ hồ sơ và cung cấp tài liệu, thông tin phục vụ công tác kiểm tra, giám sát.

e) Các quyền và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Công ty.

4. Phòng Kiểm toán nội bộ

a) Định kỳ rà soát và giám sát các hợp đồng, giao dịch với người có liên quan.

b) Báo cáo HĐQT về các rủi ro xung đột lợi ích.

c) Các quyền và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Công ty.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và có thể được sửa đổi, bổ sung theo quyết định của Hội đồng quản trị Công ty.

2. Các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, Người phụ trách quản trị Công ty và các phòng chức năng chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

3. Trường hợp có mâu thuẫn giữa điều khoản của Quy chế này và các quy định nội bộ khác của Công ty (ngoại trừ quy định do ĐHĐCĐ thông qua), quy định của HĐQT ban hành sau sẽ được áp dụng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0305... CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KH... QUỐC TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Vũ Thị Phương Nga